

Số: **6699**/QĐ-UBND

Định Hóa, ngày **27** tháng **12** năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác rừng trồng
thuộc quy hoạch rừng phòng hộ của ông Phạm Văn Khánh**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg, ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý rừng phòng hộ;

Căn cứ Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT, ngày 28/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Quy định khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản; Thông tư số 17/2017/TT-BNNPTNT ngày 11/9/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2016 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản

Căn cứ Quyết định số 1518/QĐ-UBND, ngày 10/7/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh, quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Thái Nguyên năm 2013 và đến năm 2020;

Căn cứ Hướng dẫn số 1826/HD-SNN, ngày 29/9/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Thái Nguyên về việc Hướng dẫn thực hiện Quy định khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Định Hóa tại Báo cáo số **170** /BC-NN ngày **24** tháng **12** năm 2018, về việc thẩm định hồ sơ xin khai thác rừng trồng thuộc quy hoạch rừng phòng hộ của hộ ông Phạm Văn Khánh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai rừng trồng thuộc quy hoạch rừng phòng hộ của ông Phạm Văn Khánh - xóm Làng Mới, xã Linh Thông, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên với những nội dung sau:

1. Tổng diện tích khai thác: **1,70 ha**
2. Địa điểm thiết kế khai thác: **Lô 4, khoảnh 5, tiểu khu 2 (Theo trích lục bản đồ bản đồ thiết kế khai thác năm 2018)**
3. Loại rừng: **Rừng trồng Keo + Trẩu, Tu và mọc lẫn**
4. Năm trồng: **2008**
5. Nguồn gốc quản lý: **Dự án Nhà nước đầu tư**
6. Chức năng của rừng: **Thuộc quy hoạch rừng phòng hộ**
7. Loại lâm sản khai thác: **Gỗ Keo, Trẩu, Tu và**
8. Phương thức khai thác: **Khai thác trắng theo đám**

9. Tổng số cây khai thác: 1.526 cây. Trong đó: Gỗ Keo: 1.484 cây; Gỗ Trầu: 32 cây; Gỗ Tu va: 10 cây.

10. Khối lượng khai thác: 136,563 m³ (Một trăm ba mươi sáu phẩy năm trăm sáu mươi ba mét khối). Trong đó:

+ Gỗ Keo: 132,795 m³

Chính phẩm: 116,196 m³

Tận thu: 16,599 m³

+ Gỗ Trầu: 3,020 m³

Chính phẩm: 2,643 m³

Tận thu: 0,377 m³

+ Gỗ Tu va: 0,748 m³

Chính phẩm: 0,654 m³

Tận thu: 0,094 m³

(Chi tiết theo phụ biểu đính kèm)

11. Thời gian khai thác: Đến hết ngày 30/5/2019

Điều 2. Chủ rừng có trách nhiệm chấp hành đúng quy trình khai thác hiện hành, thực hiện việc khai thác đúng địa điểm, diện tích và thời gian quy định trong Quyết định. Sau khi kết thúc khai thác chủ rừng phải tổ chức nghiệm thu và thực hiện vệ sinh rừng đồng thời tổ chức thực hiện trồng lại rừng trong vụ kế tiếp.

Điều 3. Hạt Kiểm lâm huyện Định Hóa có trách nhiệm giám sát việc khai thác của chủ rừng theo quy định.

Nếu chủ rừng không thực hiện việc khai thác đúng tiến độ phải có lý do chính đáng, báo cáo về UBND huyện trước 10 ngày để xem xét và giải quyết.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT, Hạt Trưởng Hạt Kiểm lâm huyện Định Hóa, Chủ tịch UBND xã Linh Thông và ông Phạm Văn Khánh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND huyện;
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Việt Dũng

BIỂU KHỐI LƯỢNG KHAI THÁC RỪNG TRỒNG THUỘC QUY HOẠCH RỪNG PHÒNG HỘ

Chủ rừng: Phạm Văn Khánh - xóm Làng Mới, xã Linh Thông, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Quyết định số 6699 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2018 của UBND huyện Định Hóa)

TK	K	Lô	Năm trồng	Diện tích (ha)		Năm xin KT	Loài cây	D 1,3 (m)	Hvn (m)	Khối lượng KT trên lô				Ghi chú
				Năm trồng	KT					Số cây KT/ lô	Khối lượng khai thác (m ³)	Gỗ chính phẩm (m ³)	Gỗ tận thu (m ³)	
2	5	4	2008	3,00	1,70	2018	Keo	0,30	17	10	3,609	3,158	0,451	
							Keo	0,25	17	15	5,004	4,379	0,626	
							Keo	0,24	16	25	7,235	6,330	0,904	
							Keo	0,22	16	31	7,538	6,596	0,942	
							Keo	0,20	15	48	9,043	7,913	1,130	
							Keo	0,19	15	56	9,522	8,332	1,190	
							Keo	0,18	14	73	10,397	9,098	1,300	
							Keo	0,17	14	89	11,307	9,894	1,413	
							Keo	0,16	13	102	10,659	9,327	1,332	
							Keo	0,15	13	111	10,195	8,920	1,274	
							Keo	0,14	13	168	13,441	11,761	1,680	
							Keo	0,13	12	177	11,271	9,862	1,409	
							Keo	0,12	11	187	9,301	8,138	1,163	
							Keo	0,11	11	189	7,899	6,912	0,987	
							Keo	0,10	10	203	6,374	5,577	0,797	
							Cộng:			1484	132,795	116,196	16,599	
							Trầu	0,20	15	3	0,565	0,495	0,071	
							Trầu	0,18	14	5	0,712	0,623	0,089	
							Trầu	0,16	13	9	0,940	0,823	0,118	
							Trầu	0,13	12	8	0,509	0,446	0,064	
							Trầu	0,11	11	7	0,293	0,256	0,037	
							Cộng			32	3,020	2,643	0,377	
							Tu va	0,16	15	3	0,362	0,317	0,045	
							Tu va	0,13	14	3	0,223	0,195	0,028	
							Tu va	0,10	13	4	0,163	0,143	0,020	
							Cộng			10	0,748	0,654	0,094	
							Tổng			1.526	136,563	119,493	17,070	